

Số: 2651 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
được giao bổ sung và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách được giao bổ sung và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2018 (theo biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của Sở GDĐT, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Chữ Xuân Dũng

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
Chương 422.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO BỔ SUNG
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018**
(Kèm theo Quyết định số 2651/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2018
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Dự toán ngân sách nhà nước được giao bổ sung năm 2018

Đơn vị tính: nghìn đồng.

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao bổ sung	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.325.197	
1	Chi quản lý hành chính	426.732	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	426.732	
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.898.465	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí cải cách tiền lương)	14.898.465	
III	Kinh phí điều hành tập trung		

II. Phân bổ kinh phí tính gián biên chế được giao cho các đơn vị trực thuộc

1. Căn cứ, nguyên tắc phân bổ

Thực hiện phân bổ và giao theo Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

2. Số liệu phân bổ

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

PHỤ LỤC

PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 2651 / QĐ-SGDĐT ngày 12 / 12 / 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Số còn để thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Ngân sách Thành phố cấp bổ sung năm 2018 để thực hiện cải cách tiền lương	Nguồn CCTL còn dư chuyển sang năm 2019
1	2	3	3	3	4
	TỔNG SỐ	32.207.244	23.444.087	15.325.197	6.562.040
	Chia ra:				
	Quản lý nhà nước	426.732	-	426.732	-
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	31.780.512	23.444.087	14.898.465	6.562.040
	Cộng Loại 340 Khoản 341	426.732	-	426.732	-
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	426.732	-	426.732	-
	Cộng Loại 070 Khoản 072	528.870	127.678	440.820	39.628
1	Trường tiểu học Bình Minh	88.050	127.678	-	39.628
2	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	267.780	-	267.780	-
3	Trường PTCS Xã Đàn	173.040	-	173.040	-
	Cộng Loại 070 Khoản 074	30.915.858	22.980.624	14.446.066	6.510.832
1	Trường THPT Đông Đa	340.836	539.507	-	198.671
2	Trường THPT Kim Liên	357.810	569.261	-	211.451
3	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đông Đa	336.624	482.788	-	146.164
4	Trường THPT Quang Trung - Đông Đa	344.022	455.198	-	111.176
5	Trường THPT Văn Nội	309.240	-	309.240	-
6	Trường THPT Cỗ Loa	310.596	-	310.596	-
7	Trường THPT Liên Hà	294.696	-	294.696	-
8	Trường THPT Đông Anh	250.128	215.865	34.263	-
9	Trường THPT Sóc Sơn	280.662	9.364	271.298	-
10	Trường THPT Kim Anh	250.044	-	250.044	-
11	Trường THPT Trung Giã	205.032	36.949	168.083	-
12	Trường THPT Đa Phúc	296.682	356.619	-	59.937
13	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	365.682	486.360	-	120.678
14	Trường THPT Việt Đức	323.088	484.324	-	161.236
15	Trường THPT Chu Văn An	541.980	178.023	363.957	-
16	Trường THPT Tây Hồ	277.896	447.508	-	169.612
17	Trường THPT Phan Đình Phùng	368.196	517.935	-	149.739
18	Trường THPT Phạm Hồng Thái	304.296	376.383	-	72.087
19	Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	287.934	308.465	-	20.531
20	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	604.038	866.385	-	262.347
21	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	290.934	373.510	-	82.576
22	Trường THPT Nhân Chính	247.896	232.814	15.082	-
23	Trường THPT Yên Hoà	261.636	406.029	-	144.393
24	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan	342.012	442.216	-	100.204
25	Trường THPT Ngọc Hồi	276.318	-	276.318	-
26	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	288.510	479.552	-	191.042
27	Trường THPT Ngô Thì Nhậm	260.028	96.270	163.758	-

Số TT	Tên đơn vị	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Số còn để thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Ngân sách Thành phố cấp bổ sung năm 2018 để thực hiện cải cách tiền lương	Nguồn CCTL còn dư chuyển sang năm 2019
1	2	3	3	3	4
28	Trường THPT Thăng Long	335.058	500.276	-	165.218
29	Trường THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	325.020	448.308	-	123.288
30	Trường THPT Trần Nhân Tông	315.444	289.360	26.084	-
31	Trường THPT Trương Định	285.324	577.714	-	292.390
32	Trường THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	276.414	-	276.414	-
33	Trường THPT Yên Viên	252.378	305.120	-	52.742
34	Trường THPT Dương Xá	254.718	66.108	188.610	-
35	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	227.004	94.654	132.350	-
36	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều	322.296	422.699	-	100.403
37	Trường THPT Lý Thường Kiệt	217.938	178.477	39.461	-
38	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	277.536	504.915	-	227.379
39	Trường THPT Xuân Đình	285.834	427.862	-	142.028
40	Trường THPT Đại Mỗ	196.116	412.092	-	215.976
41	Trường THPT Thượng Cát	215.142	461.429	-	246.287
42	Trường THPT Xuân Giang	198.798	94.905	103.893	-
43	Trường THPT Minh Phú	151.374	81.885	69.489	-
44	Trường THPT Cầu Giấy	309.264	400.988	-	91.724
45	Trường THPT Trung Văn	244.350	209.523	34.827	-
46	Trường THPT Mê Linh	279.666	-	279.666	-
47	Trường THPT Tự Lập	175.824	-	175.824	-
48	Trường THPT Quang Minh	192.624	229.406	-	36.782
49	Trường THPT Tiên Thịnh	171.618	57.753	113.865	-
50	Trường THPT Tiên Phong	207.618	18.678	188.940	-
51	Trường THPT Yên Lãng	218.100	-	218.100	-
52	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	423.588	194.903	228.685	-
53	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ	596.892	407.715	189.177	-
54	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông	317.382	219.414	97.968	-
55	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	310.032	135.264	174.768	-
56	Trường THPT Sơn Tây	511.122	1.663	509.459	-
57	Trường THPT Tùng Thiện	277.140	410.755	-	133.615
58	Trường THPT Xuân Khanh	221.568	292.398	-	70.830
59	Trường THPT Ba Vì	298.944	-	298.944	-
60	Trường THPT Bất Bạt	181.584	117.304	64.280	-
61	Trường THPT Ngô Quyền - Ba Vì	324.180	-	324.180	-
62	Trường THPT Quảng Oai	341.118	460.957	-	119.839
63	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	606.882	-	606.882	-
64	Trường THPT Phúc Thọ	298.734	-	298.734	-
65	Trường THPT Ngọc Tảo	326.196	-	326.196	-
66	Trường THPT Văn Cốc	205.386	2.319	203.067	-
67	Trường THPT Đan Phượng	282.426	225.413	57.013	-
68	Trường THPT Hồng Thái	249.168	64.227	184.941	-
69	Trường THPT Tân Lập	273.276	-	273.276	-
70	Trường THPT Thạch Thất	351.840	-	351.840	-
71	Trường THPT Phùng Khắc Khoan-T.Thất	327.726	-	327.726	-
72	Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	278.958	-	278.958	-
73	Trường THPT Bắc Lương Sơn	144.804	-	144.804	-

Số TT	Tên đơn vị	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Số còn để thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP	Ngân sách Thành phố cấp bổ sung năm 2018 để thực hiện cải cách tiền lương	Nguồn CCTL còn dư chuyển sang năm 2019
1	2	3	3	3	4
74	Trường THPT Hoài Đức A	370.812	-	370.812	-
75	Trường THPT Hoài Đức B	338.928	-	338.928	-
76	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	299.772	-	299.772	-
77	Trường THPT Quốc Oai	377.856	540.267	-	162.411
78	Trường THPT Minh Khai - Quốc Oai	322.164	-	322.164	-
79	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	223.032	155.020	68.012	-
80	Trường THPT Chương Mỹ A	359.490	393.051	-	33.561
81	Trường THPT Chương Mỹ B	282.390	168.622	113.768	-
82	Trường THPT Chúc Động	333.258	-	333.258	-
83	Trường THPT Xuân Mai	383.904	361.588	22.316	-
84	Trường THPT Thanh Oai A	263.022	-	263.022	-
85	Trường THPT Thanh Oai B	299.292	-	299.292	-
86	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	265.194	-	265.194	-
87	Trường THPT Thường Tín	305.790	436.948	-	131.158
88	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín	256.734	13.630	243.104	-
89	Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	228.432	-	228.432	-
90	Trường THPT Văn Tảo	204.258	13.665	190.593	-
91	Trường THPT Lý Tử Tấn	204.744	72.161	132.583	-
92	Trường THPT Mỹ Đức A	352.818	386.908	-	34.090
93	Trường THPT Mỹ Đức B	294.336	13.592	280.744	-
94	Trường THPT Mỹ Đức C	233.340	-	233.340	-
95	Trường THPT Hợp Thanh	217.650	129.353	88.297	-
96	Trường THPT Ứng Hoà A	275.922	302.959	-	27.037
97	Trường THPT Ứng Hoà B	209.418	18.873	190.545	-
98	Trường THPT Đại Cường	140.898	-	140.898	-
99	Trường THPT Lưu Hoàng	182.070	-	182.070	-
100	Trường THPT Trần Đăng Ninh	268.566	45.567	222.999	-
101	Trường THPT Phú Xuyên A	325.560	505.164	-	179.604
102	Trường THPT Phú Xuyên B	269.046	-	269.046	-
103	Trường THPT Đông Quan	237.372	188.852	48.520	-
104	Trường THPT Tân Dân	176.754	258.598	-	81.844
105	Trường THPT Bắc Thăng Long	187.026	175.681	11.345	-
106	Trường THPT Thạch Bàn	195.198	684.164	-	488.966
107	Trường THPT Lê Lợi	124.746	749.350	-	624.604
108	Trường THPT Minh Quang	29.832	163.255	-	133.423
109	Trường THPT Phúc Lợi	133.758	527.547	-	393.789
110	Trường THPT Đông Mỹ	41.256	-	41.256	-
	Cộng Loại 070 Khoản 092	138.690	149.460	-	10.770
1	Trường Trung cấp Sư phạm MG - Nhà trẻ Hà Nội	138.690	149.460	-	10.770
	Cộng Loại 070 Khoản 085	184.848	185.658	-	810
1	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục Hà Nội	184.848	185.658	-	810
	Cộng Loại 070 Khoản 098	12.246	667	11.579	-
1	Tạp chí giáo dục Thủ Đô	12.246	667	11.579	-